

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11
PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1353/ TCKH
V/v phản hồi ý kiến về dự thảo chấm
điểm thi đua các đơn vị trường học
năm học 2022-2023

Quận 11, ngày 27 tháng 6 năm 2023

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 11;
- Hiệu trưởng các trường khối mầm non, khối tiểu học, khối trung học cơ sở và khối giáo dục khác.

Phòng Tài chính - Kế hoạch có nhận Công văn số 858/GDDT-VP ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc chấm điểm thi đua các đơn vị trường học năm học 2022-2023;

Căn cứ Quyết định số 3012/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Quận 11 về Quy định nội dung, tiêu chuẩn, thang điểm và quy trình tổ chức chấm điểm, xét duyệt thi đua trên địa bàn Quận 11.

Qua theo dõi tình hình thực hiện các chỉ tiêu thi đua do Phòng Tài chính - Kế hoạch được phân công chấm cho các đơn vị và tổng hợp kết quả tự chấm điểm thi đua của các đơn vị gửi lên, Phòng Tài chính - Kế hoạch thông báo đến các đơn vị dự thảo kết quả chấm điểm của đơn vị mình.

Đề nghị các đơn vị nghiên cứu và gửi ý kiến phản hồi về Phòng Tài chính - Kế hoạch **chậm nhất 11 giờ ngày 29/6/2023** để thống nhất trước khi trình Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng Phòng TCKH;
- Lưu: VT, Hoàng (4b).

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Phan Thị Huyền

DỰ THẢO



TỔNG HỢP CHẤM ĐIỂM THI ĐUA NĂM HỌC 2022-2023
(Khối Mầm non)

(Đính kèm Công văn số 1353 /TCKH ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Phòng Tài chính Kế hoạch)

STT	Nội dung	Điểm chuẩn	Khối Mầm non																
			Phường 1	Phường 2	Phường 3	Phường 4	Phường 5	Phường 6	Phường 7	Phường 8	Phường 9	Phường 10	Phường 11	Phường 12	Phường 13	Phường 14	Phường 15	Phường 16	Quận
I	CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH	150,00	149,50	148,75	149,50	148,50	148,75	149,75	147,00	150,00	149,00	149,25	149,75	148,50	149,25	149,75	149,75	149,25	149,50
1	Xây dựng dự toán ngân sách.	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
2	Thực hiện chính sách, chế độ tài chính	100,00	99,50	99,75	99,50	99,50	98,75	99,75	99,00	100,00	99,00	99,25	99,75	98,50	99,25	99,75	99,75	99,25	99,50
	- Xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo theo quy định	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
	- Thực hiện theo dõi, cập nhật hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán.	30,00	29,75	30,00	30,00	29,75	29,75	29,75	30,00	30,00	30,00	29,50	29,75	29,75	29,75	29,75	30,00	29,50	29,75
	- Thực hiện các chính sách, chế độ tài chính hiện hành	30,00	29,75	29,75	29,50	29,75	29,00	30,00	29,00	30,00	29,00	29,75	30,00	28,75	29,50	30,00	29,75	29,75	29,75
	- Công khai dự toán và quyết toán ngân sách	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
3	Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công	20,00	20,00	19,00	20,00	19,00	20,00	20,00	18,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
	- Thực hiện các quy định về sửa chữa, mua sắm và thanh lý tài sản	10,00	10,00	9,00	10,00	9,00	10,00	10,00	8,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
	- Cập nhật sổ sách, quản lý và sử dụng tài sản công.	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
4	Thực hiện kiến nghị Kiểm toán, Thanh tra và Kiểm tra	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
II	CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
1	Thời gian nộp Quy chế chi tiêu nội bộ	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
2	Báo cáo tài chính	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00
a	Báo cáo tài chính hàng quý	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00



STT	Nội dung	Điểm chuẩn	Khối Mầm non																Quận
			Phường 1	Phường 2	Phường 3	Phường 4	Phường 5	Phường 6	Phường 7	Phường 8	Phường 9	Phường 10	Phường 11	Phường 12	Phường 13	Phường 14	Phường 15	Phường 16	
b	Báo cáo tài chính năm	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
3	Báo cáo Lao động tiền lương hàng quý	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00
4	Báo cáo thực hiện Nghị định số 60	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
5	Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
a	Chế độ báo cáo hàng năm (hạn 10/01/2021 theo CV số 2819/TC/KH ngày 29/12/2021)	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00
b	Công tác nhập liệu vào phần mềm QLTS	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00
6	Báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00
	Tổng điểm (I + II)	250,00	249,50	248,75	249,50	248,50	248,75	249,75	247,00	250,00	249,00	249,25	249,75	248,50	249,25	249,75	249,75	249,25	249,50

***Thuyết minh:**

Trường Mầm non Phường 1: Trừ 0,5 điểm

Đơn vị chưa sử dụng đúng tính chất quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng theo quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP (-0,25đ)

Thanh toán các khoản chi không có hóa đơn tài chính (-0,25đ)

Trường Mầm non Phường 2: Trừ 1,25 điểm

Trích thiếu quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (-0,25đ)

Hồ sơ thanh lý tài sản chưa đầy đủ (-1đ)

Trường Mầm non Phường 3: Trừ 0,5 điểm

Đối với các khoản thanh toán cá nhân và các khoản chi trên 5 triệu đồng, đơn vị chưa thực hiện theo quy định của Thông tư số 13/2017/TT-BTC và Thông tư số 136/2018/TT-BTC (-0,5đ)

Trường Mầm non Phường 4: Trừ 1,5 điểm

Trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi vượt mức tối đa quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (-0,25đ)

Thanh toán các khoản chi không có hóa đơn tài chính (-0,25đ)

Hồ sơ thanh lý tài sản chưa đầy đủ (-1đ)

Trường Mầm non Phường 5: Trừ 1,25 điểm

Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND vượt số ngày làm việc thực tế trong tháng (-0,5đ)

Trích thiếu cải cách tiền lương (-0,5đ)

Thanh toán các khoản chi không có hóa đơn tài chính (-0,25đ)

Trường Mầm non Phường 6: Trừ 0,25 điểm

Thanh toán các khoản chi không có hóa đơn tài chính (-0,25đ)

... H. C.
TỈNH
CHÍNH
QUẢN
HỮU CHỨC

STT	Nội dung	Điểm chuẩn	Khối Mầm non																Quận
			Phường 1	Phường 2	Phường 3	Phường 4	Phường 5	Phường 6	Phường 7	Phường 8	Phường 9	Phường 10	Phường 11	Phường 12	Phường 13	Phường 14	Phường 15	Phường 16	

Trường Mầm non Phường 7: Trừ 3 điểm

Trích thiếu quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (-0,25đ)

Trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi vượt mức tối đa quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (-0,25đ)

Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND Không đúng theo kết quả phân loại thực hiện nhiệm vụ (-0,5đ)

Thực hiện mua sắm máy điều hòa không khí thuộc danh mục MSTT (không đúng hình thức mua sắm theo quy định) (-2đ)

Trường Mầm non Phường 9: Trừ 1 điểm

Thanh toán khoản chi lương, phụ cấp không đúng nguồn (-0,5đ)

Thanh toán tiền khoán trực tiếp cho người lao động không có cơ sở chi (-0,5đ)

Trường Mầm non Phường 10: Trừ 0,75 điểm

Chi sai mức hỗ trợ tiền lương do tính chất công việc theo Nghị Quyết số 01/2014/NQ-HĐND (-0,25đ)

Thanh toán các khoản chi không có hóa đơn tài chính (-0,25đ)

Thanh toán các khoản chi không đúng đối tượng thụ hưởng (-0,25đ)

Trường Mầm non Phường 11: Trừ 0,25 điểm

Thanh toán khoản chi nhiều hơn thực tế phát sinh trên hóa đơn (-0,25đ)

Trường Mầm non Phường 12: Trừ 1,5 điểm

Thanh toán các khoản chi không có hóa đơn tài chính (-0,25đ)

Trích thiếu cải cách tiền lương (-0,5đ)

Trích thiếu quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (-0,25đ)

Trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi vượt mức tối đa quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (-0,25đ)

Đơn vị chưa sử dụng đúng tính chất các nguồn quỹ theo quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP (-0,25đ)

Trường Mầm non Phường 13: Trừ 0,75 điểm

Đơn vị chưa sử dụng đúng tính chất các nguồn quỹ theo quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP (-0,25đ)

Thanh toán các khoản chi không đúng đối tượng thụ hưởng (-0,25đ)

Chi sai mức hỗ trợ tiền lương do tính chất công việc theo Nghị Quyết số 01/2014/NQ-HĐND (-0,25đ)

Trường Mầm non Phường 14: Trừ 0,25 điểm

Thanh toán các khoản chi không đúng đối tượng thụ hưởng (-0,25đ)

Trường Mầm non Phường 15: Trừ 0,25 điểm

Chi trực tiếp từ nguồn thu đối với các nội dung chi mang tính chất phúc lợi, khen thưởng (-0,25đ)

Trường Mầm non Phường 16: Trừ 0,75 điểm

Chi sai mức hỗ trợ tiền lương do tính chất công việc theo Nghị Quyết số 01/2014/NQ-HĐND (-0,25đ)

Thanh toán các khoản chi không có hóa đơn tài chính (-0,25đ)

Thanh toán các khoản chi không đúng đối tượng thụ hưởng (-0,25đ)

Trường Mầm non Quận: Trừ 0,5 điểm

Chi sai mức hỗ trợ tiền lương do tính chất công việc theo Nghị Quyết số 01/2014/NQ-HĐND (-0,25đ)

Thanh toán các khoản chi không đúng đối tượng thụ hưởng (-0,25đ)





TỔNG HỢP CHẤM ĐIỂM THI ĐUA NĂM HỌC 2022 - 2023

(*Khối Tiểu học*)

(Đính kèm Công văn số *1353* /TCKH ngày *27* tháng *6* năm 2023 của Phòng Tài chính Kế hoạch)

STT	Nội dung	Điểm chuẩn	Khối Tiểu học																	
			Hưng Việt	Nguyễn Thi	Phùng Hưng	Phạm Văn Hai	Hòa Bình	Trần Văn Ôn	Âu Cơ	Đề Thám	Lạc Long Quân	Hàn Hải Nguyên	Nguyễn Bá Ngọc	Thái Phiên	Quyết Thắng	Phú Thọ	Đại Thành	Trung Trắc	Lê Đình Chính	Nguyễn Thị Nhỏ
I	CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH	150,00	147,00	145,75	149,25	148,00	148,75	149,75	148,25	149,75	147,75	143,00	149,75	146,00	149,50	149,00	150,00	148,00	150,00	150,00
1	Xây dựng dự toán ngân sách.	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
2	Thực hiện chính sách, chế độ tài chính	100,00	98,00	95,75	99,25	98,00	99,75	99,75	98,25	99,75	97,75	97,00	99,75	97,00	99,50	99,00	100,00	99,00	100,00	100,00
	- Xây dựng và thực hiện Quy chế chỉ tiêu nội bộ đảm bảo theo quy định	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	19,75	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
	- Thực hiện theo dõi, cập nhật hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán.	30,00	30,00	27,50	30,00	30,00	29,75	29,75	30,00	29,75	29,25	28,75	29,75	28,75	30,00	29,75	30,00	29,75	30,00	30,00
	- Thực hiện các chính sách, chế độ tài chính hiện hành	30,00	28,00	28,25	29,25	28,00	30,00	30,00	28,25	30,00	28,75	28,25	30,00	28,25	29,50	29,25	30,00	29,25	30,00	30,00
	- Công khai dự toán và quyết toán ngân sách	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
3	Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công	20,00	19,00	20,00	20,00	20,00	19,00	20,00	20,00	20,00	20,00	16,00	20,00	19,00	20,00	20,00	20,00	19,00	20,00	20,00
	- Thực hiện các quy định về sửa chữa, mua sắm và thanh lý tài sản	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	9,00	10,00	10,00	10,00	10,00	8,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	9,00	10,00	10,00
	- Cập nhật sổ sách, quản lý và sử dụng tài sản công.	10,00	9,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	8,00	10,00	9,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
4	Thực hiện kiến nghị Kiểm toán, Thanh tra và Kiểm tra	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
II	CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
1	Thời gian nộp Quy chế chỉ tiêu nội bộ	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
2	Báo cáo tài chính	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00
a	Báo cáo tài chính hàng quý	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
b	Báo cáo tài chính năm	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
3	Báo cáo Lao động tiền lương hàng quý	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00
4	Báo cáo thực hiện Nghị định 60 hàng năm	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
5	Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
a	Chế độ báo cáo hàng năm (theo CV số 2819/TCKH ngày 29/12/2021)	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00
b	Công tác nhập liệu vào phần mềm QLTS	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00
6	Báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00
	Tổng điểm (I + II)	250,00	247,00	245,75	249,25	248,00	248,75	249,75	248,25	249,75	247,75	243,00	249,75	246,00	249,50	249,00	250,00	248,00	250,00	250,00



STT	Nội dung	Điểm chuẩn	Khối Tiểu học																		
			Hưng Việt	Nguyễn Thi	Phùng Hưng	Phạm Văn Hai	Hòa Bình	Trần Văn Ôn	Âu Cơ	Đề Thám	Lạc Long Quân	Hàn Hải Nguyên	Nguyễn Bá Ngọc	Thái Phiên	Quyết Thắng	Phú Thọ	Đại Thành	Trung Trắc	Lê Đình Chính	Nguyễn Thị Nhỏ	

* Thuyết minh:

Trường tiểu học Hưng Việt: Trừ 3 điểm

- Tồn quỹ tiền mặt nhiều so với nhu cầu thanh toán, chi trả bằng tiền mặt (-1đ)
- Chưa sử dụng hóa đơn và kê khai thuế theo quy định tại Công văn số 7686/BTC-CST (-1đ)
- Số liệu Biên bản kiểm kê tài sản chưa khớp với số liệu trên sổ theo dõi tài sản (-1đ)

Trường tiểu học Lạc Long Quân: Trừ 2,25 điểm

- Nội dung chi phát sinh trong tháng 03/2022 không có hóa đơn (-0,25đ)
- Quyết toán một số nội dung mang tính chất phúc lợi, khen thưởng trực tiếp từ nguồn thu (-0,25đ)
- Một số nội dung chi chưa xây dựng trong Quy chế chi tiêu nội bộ (-0,25đ)
- Một số nội dung chi quyết toán không đúng niên độ kế toán (-1đ)
- Thực hiện chưa đúng quy định đối với Quỹ Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT (-0,5đ)

Trường tiểu học Nguyễn Thi: Trừ 4,25 điểm

- Trích thiếu nguồn cải cách tiền lương theo quy định (-0,5đ)
- Trích thiếu Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (-0,25đ)
- Chưa quyết toán biên lai theo quy định (-0,25đ)
- Nội dung chi phát sinh trong tháng 02/2022 không có hóa đơn (-0,25đ)
- Kế toán chưa kịp thời lập phiếu thu, phiếu chi khi có phát sinh nghiệp vụ tài chính; các phiếu thu, phiếu chi thiếu chữ ký của các đối tượng liên quan (thời gian từ tháng 1 đến tháng 6/2023) (-1đ)
- Kế toán và thủ quỹ chưa thực hiện khóa sổ cuối mỗi ngày, chưa thường xuyên kiểm tra, đối chiếu và tiến hành kiểm kê tồn quỹ tiền mặt thực tế theo quy định (thời gian từ tháng 1 đến tháng 6/2023) (-1đ)
- Thủ quỹ không mở sổ quỹ tiền mặt để ghi chép các khoản thu, chi phát sinh hàng ngày (thời gian từ tháng 1 đến tháng 6/2023) (-1đ)

Trường tiểu học Trần Văn Ôn: Trừ 0,25 điểm

- Nội dung chi phát sinh trong tháng 11/2022 không có hóa đơn (-0,25đ)

Trường tiểu học Phùng Hưng: Trừ 0,75 điểm

- Trích thiếu nguồn cải cách tiền lương theo quy định (-0,5đ)
- Trích thiếu Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (-0,25đ)

Trường tiểu học Phạm Văn Hai: Trừ 2 điểm

- Chưa thực hiện kiểm kê tồn quỹ tiền mặt thực tế theo quy định (-0,5đ)
- Trích thiếu nguồn cải cách tiền lương theo quy định (-0,5đ)
- Tồn quỹ tiền mặt nhiều so với nhu cầu thanh toán, chi trả bằng tiền mặt (-1đ)

Trường tiểu học Âu Cơ: Trừ 1,75 điểm

- Tồn quỹ tiền mặt nhiều so với nhu cầu thanh toán, chi trả bằng tiền mặt (-1đ)
- Trích thiếu nguồn cải cách tiền lương theo quy định (-0,5đ)
- Trích thiếu Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (-0,25đ)

Trường tiểu học Hàn Hải Nguyên: Trừ 7 điểm

- Trích thiếu nguồn cải cách tiền lương theo quy định (-0,5đ)



STT	Nội dung	Điểm chuẩn	Khối Tiểu học																	
			Hưng Việt	Nguyễn Thi	Phùng Hưng	Phạm Văn Hai	Hòa Bình	Trần Văn Ôn	Âu Cơ	Đề Thám	Lạc Long Quân	Hàn Hải Nguyên	Nguyễn Bá Ngọc	Thái Phiên	Quyết Thắng	Phú Thọ	Đại Thành	Trung Trắc	Lê Đình Chinh	Nguyễn Thị Nhỏ

Trích thiếu Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (-0,25đ)
Chưa quyết toán biên lai theo quy định (-0,25đ)
Kế toán và thủ quỹ chưa thực hiện khóa sổ cuối mỗi ngày, chưa thường xuyên kiểm tra, đối chiếu và tiến hành kiểm kê tồn quỹ tiền mặt thực tế theo quy định (-1đ)
Thủ quỹ không mở sổ quỹ tiền mặt để ghi chép các khoản thu, chi phát sinh hàng ngày (-1đ)
Chưa cập nhật đầy đủ tài sản phát sinh tăng trong năm vào sổ theo dõi (-1đ); công khai tình hình mua sắm, xử lý tài sản chưa đúng thực tế phát sinh (-1đ); trong năm phát sinh thu do thanh lý tài sản nhưng chưa cung cấp được hồ sơ (-2đ)

Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc: Trừ 0,25 điểm

Nội dung chi phát sinh trong tháng 10/2022 không có hóa đơn (-0,25đ)

Trường tiểu học Thái Phiên: Trừ 4 điểm

Trích thiếu nguồn cải cách tiền lương theo quy định (-0,5đ)
Trích thiếu Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (-0,25đ)
Nội dung chi phát sinh trong tháng 04/2022 không có hóa đơn (-0,25đ)
Kế toán và thủ quỹ chưa thực hiện khóa sổ cuối mỗi ngày, chưa thường xuyên kiểm tra, đối chiếu và tiến hành kiểm kê tồn quỹ tiền mặt thực tế theo quy định (-1đ)
Kế toán chưa kịp thời lập phiếu thu, phiếu chi và hạch toán các nghiệp vụ tài chính phát sinh vào sổ kế toán theo quy định. Đa số các phiếu thu, phiếu chi thiếu chữ ký của thủ quỹ, người nhận tiền (-1đ)
Số liệu Biên bản kiểm kê tài sản chưa khớp với số liệu trên sổ theo dõi tài sản (-1đ)

Trường tiểu học Quyết Thắng: Trừ 0,5 điểm

Trích thiếu nguồn cải cách tiền lương theo quy định (-0,5đ)

Trường tiểu học Phú Thọ: Trừ 1 điểm

Trích thiếu nguồn cải cách tiền lương theo quy định (-0,5đ)
Trích thiếu Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (-0,25đ)
Nội dung chi phát sinh trong tháng 10/2022 không có hóa đơn (-0,25đ)

Trường tiểu học Hòa Bình: Trừ 1,25 điểm

Nội dung chi phát sinh trong tháng 09/2022 không có hóa đơn (-0,25đ)
Hồ sơ thanh lý tài sản chưa đầy đủ (-1đ)

Trường tiểu học Trung Trắc: Trừ 2 điểm

Trích thiếu nguồn cải cách tiền lương theo quy định (-0,5đ)
Trích thiếu Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (-0,25đ)
Thanh toán các khoản chi không đúng đối tượng thụ hưởng (-0,25đ)
Số liệu Biên bản kiểm kê tài sản, hạch toán giá trị tài sản chưa khớp với số liệu trên sổ theo dõi tài sản (-1đ)

Trường tiểu học Đề Thám: Trừ 0,25 điểm

Nội dung chi phát sinh trong tháng 10/2022 không có hóa đơn (-0,25đ)



DỰ THẢO



TỔNG HỢP CHẤM ĐIỂM THI ĐUA NĂM HỌC 2022 - 2023

(Khối Trung học cơ sở và Giáo dục khác)

(Đính kèm Công văn số 1353 /TCKH ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Phòng Tài chính Kế hoạch)

STT	Nội dung	Điểm chuẩn	Khối THCS & Giáo dục khác										
			Chu Văn An	Lữ Gia	Hậu Giang	Nguyễn Văn Phú	Lê Quý Đôn	Nguyễn Huệ	Nguyễn Minh Hoàng	Lê Anh Xuân	Phú Thọ	15 Th 5	Bồi dưỡng Giáo dục
I	CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH	150,00	148,75	150,00	149,75	149,00	149,75	149,75	150,00	150,00	149,75	148,75	150,00
1	Xây dựng dự toán ngân sách.	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
2	Thực hiện chính sách, chế độ tài chính	100,00	99,25	100,00	99,75	99,00	99,75	99,75	100,00	100,00	99,75	99,75	100,00
	- Xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo theo quy định	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
	- Thực hiện theo dõi, cập nhật hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán.	30,00	30,00	30,00	29,75	29,75	30,00	29,75	30,00	30,00	29,75	30,00	30,00
	- Thực hiện các chính sách, chế độ tài chính hiện hành.	30,00	29,25	30,00	30,00	29,25	29,75	30,00	30,00	30,00	30,00	29,75	30,00
	- Công khai dự toán và quyết toán ngân sách	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
3	Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công	20,00	19,50	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	19,00	20,00
	- Thực hiện các quy định về sửa chữa, mua sắm và thanh lý tài sản	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
	- Cập nhật sổ sách, quản lý và sử dụng tài sản công.	10,00	9,50	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	9,00	10,00
4	Thực hiện kiến nghị Kiểm toán, Thanh tra và Kiểm tra	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
II	CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
1	Thời gian nộp Quy chế chi tiêu nội bộ	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
2	Báo cáo tài chính	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00
a	Báo cáo tài chính hàng quý	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00
b	Báo cáo tài chính năm	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
3	Báo cáo Lao động tiền lương hàng quý	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00
4	Báo cáo thực hiện Nghị định 60 hàng năm	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00	10,00
5	Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00	20,00



STT	Nội dung	Điểm chuẩn	Khối THCS & Giáo dục khác										
			Chu Văn An	Lữ Gia	Hậu Giang	Nguyễn Văn Phú	Lê Quý Đôn	Nguyễn Huệ	Nguyễn Minh Hoàng	Lê Anh Xuân	Phú Thọ	15 Th 5	Bồi dưỡng Giáo dục
a	Chế độ báo cáo hàng năm (theo CV số 2819/TCKH ngày 29/12/2021)	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00	15,00
b	Công tác nhập liệu vào phần mềm QLTS	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00
6	Báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00	5,00
	Tổng điểm (I + II)	250,00	248,75	250,00	249,75	249,00	249,75	249,75	250,00	250,00	249,75	248,75	250,00

*** Thuyết minh:**

Trường THCS Chu Văn An: Trừ 1,25 điểm

Trích thiếu nguồn cải cách tiền lương theo quy định (-0,5đ)

Trích thiếu Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (-0,25đ)

Chưa cập nhật đầy đủ tài sản phát sinh tăng trong năm vào sổ theo dõi TSCĐ (-0,5đ)

Trường THCS Hậu Giang: Trừ 0,25 điểm

Nội dung chi phát sinh trong tháng 10/2022 không có hóa đơn (-0,25đ)

Trường THCS Lê Quý Đôn: Trừ 0,25 điểm

Quyết toán một số nội dung chi phát sinh thực tế từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp chưa đúng theo quy định (-0,25đ)

Trường THCS Nguyễn Văn Phú: Trừ 1 điểm

Nội dung chi phát sinh trong tháng 05/2022 không có hóa đơn (-0,25đ)

Trích thiếu nguồn cải cách tiền lương theo quy định (-0,5đ)

Trích thiếu Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (-0,25đ)

Trường THCS Nguyễn Huệ: Trừ 0,25 đ

Nội dung chi phát sinh trong tháng 08 và 11/2022 không có hóa đơn (-0,25đ)

Trường THCS Phú Thọ: Trừ 0,25 điểm

Nội dung chi phát sinh trong tháng 09/2022 không có hóa đơn (-0,25đ)

Trường Giáo dục Chuyên biệt 15/5: Trừ 1,25 điểm

Chi thu nhập tăng thêm cho CCVC từ Quỹ dự phòng ổn định thu nhập chưa phù hợp theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (-0,25đ)

Chưa mở sổ theo dõi TSCĐ (-1đ)

